



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 4 - THÁNG 4/2019 - VOLUME: – APRIL 2019

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ			
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
Nợ xấu ở châu Á: Các yếu tố quyết định và các liên kết tài chính vĩ mô	Tác động toàn cầu của các cú sốc rủi ro và khung chính sách	Việc sử dụng tiền mặt tại các quốc gia và nhu cầu đối với tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương	Lạm phát và truyền dẫn tỷ giá
Trong bối cảnh gia tăng các khoản nợ xấu gần đây ở một số nền kinh tế châu Á, nghiên cứu này xem xét các khoản nợ xấu, bao gồm các yếu tố quyết định, hiệu ứng phản hồi tài chính vĩ mô và tác động đến sự ổn định tài chính. Chi tiết	Những cú sốc rủi ro toàn cầu có thể gây bất ổn lớn cho các thị trường tài chính và sự thiếu vắng các phản ứng chính sách thích hợp có thể gây ra những cuộc suy thoái nghiêm trọng. Chi tiết	Mức độ và xu hướng sử dụng tiền mặt tại một quốc gia sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương. Chi tiết	Mức độ mà theo đó giá cả trong nước điều chỉnh theo biến động tỷ giá là chìa khóa để hiểu được động lực của lạm phát, và từ đó hướng dẫn cho chính sách tiền tệ. Chi tiết
Liệu lực lượng lao động già có giải thích được cho chỉ số lạm phát thấp?			
Tại sao lạm phát tiền lương lại thấp trong khi lượng thấp nghiệp giảm mạnh gần đây? Chi tiết			

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

TIỀN ĐIỆN TỬ - PHÂN TÍCH SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH TẠI LIÊN MINH CHÂU ÂU,
HOA KỲ VÀ UKRAINE

Để phân tích các quy định quản lý việc phát hành và sử dụng tiền điện tử tại châu Âu, Mỹ và Ukraina, đầu tiên, cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng từng định nghĩa về tiền điện tử và xác định các cấu phần hình thành nên tiền điện tử ở mỗi một khu vực pháp lý này. Tiếp theo, phân tích những người có thể phát hành tiền điện tử, các yêu cầu chính đối với những người này, và cách thức quản lý việc phát hành tiền điện tử tại Liên minh châu Âu, Mỹ và Ukraine. Chương này sẽ lần lượt thảo luận về mỗi một vấn đề trên và cung cấp tổng quan về khuôn khổ pháp lý đối với việc phát hành tiền điện tử ở các khu vực pháp lý nói trên. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
ĐTNH.019/17	Ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam theo Basel II. (Chi tiết)	TS. Nguyễn Thùy Dương, Trưởng Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng
ĐTNH.010/17	Hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Thực trạng và giải pháp. (Chi tiết)	ThS. Đỗ Thị Nhân, Vụ trưởng Vụ I, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng, NHNN

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG RÓT VÀO SẢN XUẤT KINH DOANH THỰC CHẤT VÀ HIỆU QUẢ. (Chi tiết)	HỘI CHỨNG UNIQLO. (Chi tiết)
HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG DÀNH CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ. (Chi tiết)	NỀN KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG VÀ SỰ ĐỒNG NHƯ THỂ NÀO? (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Nợ xấu ở châu Á: Các yếu tố quyết định và các liên kết tài chính vĩ mô (Nonperforming Loans in Asia: Determinants and Macrofinancial Linkages).**

Nguồn: ADB

Tác giả: Lee. Junkyu & Rosenkranz. Peter

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 13/03/2019

Trong bối cảnh gia tăng các khoản nợ xấu gần đây ở một số nền kinh tế châu Á, nghiên cứu này xem xét các khoản nợ xấu, bao gồm các yếu tố quyết định, hiệu ứng phản hồi tài chính vĩ mô và tác động đến sự ổn định tài chính.

Nghiên cứu thực nghiệm chứng minh rằng trong khi các điều kiện kinh tế vĩ mô và các yếu tố đặc thù của ngân hàng, chẳng hạn như tăng trưởng sản phẩm quốc nội yếu và tăng trưởng tín dụng nhanh, thì góp phần vào việc tích lũy các khoản nợ xấu, việc gia tăng các khoản nợ xấu cũng có thể dẫn đến sự sụt giảm cung tín dụng và sự chững lại trong hoạt động kinh tế tổng thể. Những phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét các lựa chọn chính sách để quản lý và phản ứng nhanh chóng, hiệu quả trước sự tích tụ của các khoản nợ xấu.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. On the global Impact of risk-off shocks and policy-put frameworks (Những cú sốc rủi ro toàn cầu có thể gây bất ổn lớn cho các thị trường tài chính và sự thiếu vắng các phản ứng chính sách thích hợp có thể gây ra những cuộc suy thoái nghiêm trọng).

Nguồn: BIS

Tác giả: Ricardo Caballero & Günes Kamber

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 08/03/2019

Những cú sốc rủi ro toàn cầu có thể gây bất ổn lớn cho các thị trường tài chính và sự thiếu vắng các phản ứng chính sách thích hợp có thể gây ra những cuộc suy thoái nghiêm trọng. Các phản ứng chính sách phức tạp hơn đối với các nền kinh tế phát triển có tỷ lệ lạm phát thấp sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Tuy nhiên, tác giả đã ghi nhận rằng các chính sách phi truyền thống được các ngân hàng trung ương áp dụng đã mang lại hiệu quả trong việc ngăn chặn sụt giảm giá tài sản. Các chính sách này đã tác động đến lãi suất dài hạn và tạo niềm tin cho khuôn khổ chính sách giúp giảm bớt sự hiện hữu của các cú sốc rủi ro. Tác giả cũng chỉ ra rằng các điều kiện kinh tế vĩ mô và tài chính trong nước đóng vai trò quan trọng trong việc hưởng lợi từ hiệu ứng lan tỏa những chính sách này trong suốt giai đoạn rủi ro. Các nước như Nhật Bản vốn đã có lãi suất dài hạn rất thấp hưởng lợi ít hơn. Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn hưởng lợi từ việc giảm các cú sốc rủi ro. Ngược lại, kể từ khi một trong những kênh chính mà qua đó thị trường mới nổi bị ảnh hưởng bởi các cú sốc rủi ro toàn cầu là thông qua sự tăng trưởng

mạnh của lãi suất dài hạn, giai đoạn chính sách tiền tệ phi truyền thống đã tương đối lành tính đối với các thị trường mới nổi trong các giai đoạn này, đặc biệt là đối với những nước có nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc và thị trường tài chính nội địa phát triển. Tác giả cũng chỉ ra rằng chính sách tiền tệ phi truyền thống ở Mỹ có tác động mạnh mẽ đến lãi suất dài hạn ở hầu hết các nền kinh tế trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương (có ích trong suốt những sự cố rủi ro nhưng có thể gây bất ổn nếu không chúng ta không thể đứng vững qua sự đánh đổi này).

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Cash Use Across Countries and the Demand for Central Bank Digital Currency (Mức độ và xu hướng sử dụng tiền mặt tại một quốc gia sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương).

Nguồn: IMF

Tác giả: Tanai Khiaonarong & David Humphrey

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 01/03/2019

Mức độ và xu hướng sử dụng tiền mặt tại một quốc gia sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương. Mặc dù việc sử dụng tiền kỹ thuật số sẽ thuận tiện hơn so với việc di chuyển đến ATM, nhưng điều đó chỉ khiến tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương giống như thẻ ghi nợ của ngân hàng. Do đó, nhu cầu đối với tiền kỹ thuật số sẽ thấp ở các quốc gia có tỷ lệ sử dụng tiền mặt thấp, do ưu tiên cho các phương tiện thanh toán thay thế tiền mặt (thẻ, tiền điện tử, thanh toán qua điện thoại di động). Khi nhu cầu sử dụng tiền mặt cao, nhu cầu sử dụng tiền kỹ thuật số cũng nhiều hơn, do thiếu phương tiện thay thế tiền mặt. Do nhu cầu của về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương gắn liền với mức độ sử dụng tiền mặt hiện tại, nhóm tác giả ước tính mức độ và xu hướng sử dụng tiền mặt của 11 quốc gia, sử dụng các phương pháp khác nhau. Nhóm tác giả cũng xây dựng dự báo về việc sử dụng tiền mặt. Sau khi chỉ ra rằng việc sử dụng tiền mặt giảm đi phần lớn có liên quan đến việc thay đổi về nhân khẩu học, các tác giả đã gắn mức độ sử dụng tiền mặt với khả năng có nhu cầu đối với tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương tại các quốc gia khác nhau. Trong quá trình này, các tác giả đề xuất một phương pháp đo lường mức độ sử dụng tiền mặt hữu ích hơn so với các biện pháp khác. Nếu tiền mặt quan trọng đối với chính sách tiền tệ, cạnh tranh giữa các phương tiện thanh toán, hoặc đóng vai trò là một công cụ thanh toán thay thế trong trường hợp có các sự cố về vận hành với các phương thức thanh toán do tư nhân cung cấp, việc giới thiệu tiền điện tử của ngân hàng trung ương tốt nhất có thể là trước khi các phương thức thanh toán thay thế tiền mặt trở nên phổ biến đến mức sự tồn tại của tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương có thể bị nghi ngờ về tính hữu dụng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Inflation and Exchange Rate Pass-Through (Mức độ mà theo đó giá cả trong nước điều chỉnh theo biến động tỷ giá là chìa khóa để hiểu được động lực của lạm

phát, và từ đó hướng dẫn cho chính sách tiền tệ).

Nguồn: WB

Tác giả: Ha. Jongrim; Stocker. Marc & Yilmazkuday. Hakan;

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 13/03/2019

Mức độ mà theo đó giá cả trong nước điều chỉnh theo biến động tỷ giá là chìa khóa để hiểu được động lực của lạm phát, và từ đó hướng dẫn cho chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, tỷ giá hối đoái truyền dẫn qua lạm phát thay đổi đáng kể giữa các quốc gia và theo thời gian. Bằng cách ước tính các mô hình tăng cường véc tơ nhân tố cấu trúc (structural factor-augmented vector-autoregressive models) cho 47 quốc gia, bài viết này đưa ra hai yếu tố cơ bản dẫn đến những thay đổi này: bản chất của cú sốc kích hoạt các biến động tiền tệ và đặc điểm của từng quốc gia riêng biệt. Bài viết thu được ba kết quả. Đầu tiên, một cuộc điều tra thực nghiệm chứng minh rằng các cú sốc trong nước và các cú sốc toàn cầu khác nhau có thể liên quan đến các tỷ lệ truyền dẫn khác nhau. Thứ hai, vấn đề đặc điểm quốc gia, bao gồm các khung chính sách chi phối các phản ứng của chính sách tiền tệ, cũng như các đặc điểm cấu trúc khác ảnh hưởng đến mức độ nhạy cảm của nền kinh tế đối với biến động tiền tệ. Tỷ lệ truyền dẫn có xu hướng thấp hơn tại các quốc gia kết hợp chế độ tỷ giá linh hoạt và các mục tiêu lạm phát đáng tin cậy. Cuối cùng, kết quả thực nghiệm cho thấy sự độc lập của ngân hàng trung ương có thể hỗ trợ nhiệm vụ ổn định lạm phát sau các biến động tiền tệ lớn và cho phép sử dụng tỷ giá như một đệm giúp chống lại các cú sốc bên ngoài.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Can an ageing workforce explain low inflation? (Tại sao lạm phát tiền lương lại thấp trong khi lượng thất nghiệp giảm mạnh gần đây?).

Nguồn: BIS

Tác giả: Benoit Mojon & Xavier Ragot

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế vĩ mô

Ngày xuất bản: 20/03/2019

Tại sao lạm phát tiền lương lại thấp trong khi lượng thất nghiệp giảm mạnh gần đây? Tác giả chỉ ra lý do có lẽ do sự thay đổi trong cơ cấu của nguồn cung lao động. Cụ thể, tỷ lệ lao động ở độ tuổi 55 đến 64 đã tăng dần trong suốt thập kỷ qua, từ một phần ba lên trên 50% đối với các nước OECD. Điều này rất có thể là kết quả của sự già hóa và cải cách lương hưu. Tác giả lấy tỷ lệ lao động ở độ tuổi 55-64 để giải thích tại sao lạm phát tiền lương giữ ở mức thấp trong 5 năm vừa qua. Kết quả thứ hai cho thấy đường cong Phillips ứng dụng đúng trong trường hợp này. Khi khai thác phương sai dữ liệu theo quốc gia, lạm phát tiền lương vẫn ở mức cao tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp trong nước, bao gồm cả sau cuộc đại suy thoái 2008-2009.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU**Tiền điện tử - Phân tích so sánh các quy định tại Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và Ukraine***Trường Đại học trung ương châu Âu**Tháng 4/2014***(Kỳ 2)****1.3.3. Quy định về việc phát hành tiền điện tử**

Việc phát hành tiền điện tử tại Ukraina thường được quản lý bởi Quy định Tiền điện tử. Đầu tiên, việc phát hành tiền điện tử được định nghĩa là “một hành động nhằm đưa tiền điện tử vào lưu hành bằng cách cho phép những người sử dụng hoặc các đại lý có thể đổi lấy tiền điện tử bằng tiền mặt hoặc các khoản quỹ phi tiền mặt”.

Thứ hai, Quy định về Tiền điện tử thiết lập ra một số quy tắc và yêu cầu về việc phát hành tiền điện tử. Cụ thể, tại Ukraina tiền điện tử chỉ có thể được niêm yết bằng đồng tiền quốc gia của Ukraina – Hryvnia (UAH). Ngoài ra, không giống như Chỉ thị về Tiền điện tử - không chỉ ra cụ thể thời điểm mà tiền điện tử được phát hành, mà nói chung đề cập đến sự cần thiết phải cung cấp tiền điện tử không chậm trễ cho người nắm giữ tiền điện tử sau khi nhận được tiền thanh toán, tại Ukraina Quy định về tiền điện tử đặt ra thời điểm mà tiền điện tử có thể được coi là phát hành, đó là “từ thời điểm tiền điện tử được tải lên bởi đơn vị phát hành hoặc đơn vị vận hành tới một thiết bị điện tử theo lệnh của người sử dụng hoặc đại lý”.

Một cách nhanh chóng (trong vòng 10 ngày) sau khi đơn vị phát hành bắt đầu phát hành tiền điện tử, đơn vị này phải thông báo cho NBU và sau đó là báo cáo theo quý về các hoạt động liên quan đến việc phát hành và lưu thông của tiền điện tử.

Ngoài ra, Quy định về Tiền điện tử giới hạn số lượng tiền điện tử được phát hành. Cụ thể, khối lượng tiền điện tử sẽ không vượt quá “khối lượng tiền mặt hoặc các khoản phi tiền mặt mà đơn vị phát hành nhận được từ người sử dụng và đại lý

(ngoại trừ đối với đại lý bổ sung¹), và số lượng tiền mặt mà đại lý bổ sung nhận được phải được chuyển giao cho đơn vị phát hành. Những ràng buộc như vậy nói chung nhằm mục đích giới hạn việc phát hành tiền điện tử vượt quá số lượng mà nhà phát hành thực sự nhận được từ các đại lý và người sử dụng, do đó giúp duy trì sự cân bằng giữa nghĩa vụ tiền tệ và tài sản của đơn vị phát hành và duy trì trạng thái tài chính vững chắc cho đơn vị phát hành. Những ràng buộc này cũng được xem là hỗ trợ cho khả năng của nhà phát hành trong việc hoàn đổi lại tiền điện tử khi được yêu cầu và bằng cách này bảo vệ người sử dụng tiền điện tử.

Không giống như Chỉ thị Tiền điện tử, Quy định về Tiền điện tử của Ukraina đặc biệt đặt ra các giới hạn nhất định về việc tiền điện tử được lưu trữ trong một thiết bị điện tử theo lệnh của người dùng. Ví dụ, “số lượng của tiền điện tử trong một thiết bị điện tử không thể nạp lại không vượt quá 2.000 UAH (tương đương với 133 EUR) và 8.000 UAH (tương đương 530 EUR) trên một thiết bị điện tử có thể tái nạp lại. Những điều khoản này nhằm mục tiêu kiểm soát các khoản thanh toán được thực hiện bởi tiền điện tử, nhằm ngăn chặn rửa tiền và khả năng sử dụng tiền điện tử để vi phạm các quy định về thanh toán do luật Ukraina quy định. Ví dụ, luật Ukraina đặt ra một giới hạn về các khoản thanh toán bằng tiền mặt giữa các doanh nhân là 10.000 UAH một ngày có thể bị vi phạm bằng cách sử dụng thiết bị điện tử có thể nạp lại, nếu không có giới hạn cho số lượng tiền điện tử được lưu trữ trong đó.

1.4. Kết luận

Phân tích ban đầu về phương pháp của Châu Âu và Mỹ trong việc quản lý tiền điện tử về mặt thuật ngữ và khái niệm chính ở trong chương này đã chỉ ra cụ thể rằng cả Liên minh Châu Âu và Mỹ đều đưa ra các quy định khá kỹ lưỡng về các vấn đề của tiền điện tử. Ở giai đoạn này không quốc gia nào có thể được xem là đã giải quyết triệt để các câu hỏi về tiền điện tử. Tuy nhiên, các hướng tiếp cận đối với quy định về tiền điện tử có khác nhau một chút giữa Liên minh Châu Âu và Mỹ.

¹ Replenishment agent – Theo Quy định tiền điện tử, tại Chương 1, Đại lý bổ sung là đại lý cung cấp các phương tiện để bổ sung các thiết bị điện tử có tiền điện tử theo thỏa thuận với đơn vị phát hành tiền điện tử.

Tại Liên minh Châu Âu, các nhà làm luật đã giới thiệu và sử dụng một khái niệm và định nghĩa chung về “tiền điện tử”. Chỉ thị về Tiền điện tử đã định nghĩa rõ ràng thuật ngữ này và đã làm rõ ai có thể trở thành một đơn vị phát hành tiền điện tử. Hơn nữa, quy định chỉ ra trực tiếp phạm vi hẹp những người này và các khía cạnh khác nhau trong việc thực hiện hoạt động của họ.

Tại Mỹ, các vấn đề của tiền điện tử được quản lý theo một cách khác biệt. Đầu tiên, Mỹ thiếu một khái niệm và định nghĩa chung về tiền điện tử. Luật pháp Mỹ, ở cấp liên bang và cấp bang sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau, ví dụ như “giá trị được lưu trữ”, “chuyển tiền/truyền dẫn tiền tệ”, “kênh truy cập trả trước” và “kinh doanh các dịch vụ tiền tệ”, để hàm ý về các công cụ tương tự như “tiền điện tử” của Châu Âu và những người phát hành chúng. Một mặt, điều này khiến quy định trở nên phức tạp hơn, đặc biệt lưu ý rằng quy định có thể khác nhau tại các bang. Mặt khác, nó đảm bảo rằng quy định hợp lý sẽ được áp dụng với tất cả những người liên quan đến việc phát hành các công cụ tương tự như tiền điện tử của Châu Âu.

Phương pháp tiếp cận của Ukraina đối với các quy định về tiền điện tử hiện nay đặc biệt giống với hướng tiếp cận của Châu Âu. Tuy nhiên, một trong những khác biệt lớn nhất giữa quy định của khu vực Châu Âu (cũng như Mỹ) và quy định của Ukraina là tại Ukraina thiết bị điện tử chỉ có thể được phát hành bởi các ngân hàng. Quy định này rõ ràng đã cản trở các người chơi khác quan tâm đến phát hành tiền điện tử, nhưng không cung cấp các dịch vụ ngân hàng thuần túy gia nhập thị trường.

Ngoài ra, từ góc nhìn kinh doanh và lợi nhuận, các ngân hàng có thể hứng thú hơn với việc phát triển các sản phẩm ngân hàng khác, không liên quan đến việc phát hành và lưu thông của tiền điện tử, điều này sẽ làm tăng thêm cản trở cho sự phát triển của thị trường tiền điện tử tại Ukraina, trong khi các nhà phát hành khác (ví dụ như các tổ chức tiền điện tử tại Liên minh Châu Âu) đặc biệt quan tâm đến sản phẩm này sẽ đóng góp cho sự phát triển của tiền điện tử.

Do đó, ở giai đoạn này có vẻ như thị trường Ukraina sẽ được lợi từ việc dỡ bỏ các rào cản đối với việc phát hành tiền điện tử chủ yếu bởi các ngân hàng và mang đến cho các pháp nhân khác cơ hội theo đuổi việc kinh doanh phát hành tiền điện

tử, tương tự như những gì đã xảy ra tại Liên minh Châu Âu. Cùng thời điểm này, việc cho phép khả năng các cá nhân tham gia vào việc phát hành tiền điện tử (như đã được đề xuất tại UMSA) hiện nay có vẻ là không phù hợp.

2. Kiểm soát và giám sát

Hiển nhiên, việc thị trường tiền điện tử vận hành chính xác là không thể nếu thiếu một mức độ giám sát và kiểm soát cụ thể bởi các cơ quan có thẩm quyền. Việc kiểm soát và giám sát này có thể dưới dạng kiểm tra ban đầu đối với người có ý định bắt đầu kinh doanh, thường là dưới dạng cấp phép và đăng ký, hoặc một quy trình cấp phép cần thiết để chứng nhận rằng người này thực sự sở hữu những phẩm chất và nguồn lực cần thiết để tham gia vào hoạt động kinh doanh có liên quan mà không tạo ra một mối đe dọa ngay lập tức đối với các khách hàng và thị trường. Hơn nữa, việc kiểm soát và giám sát này có thể bao gồm việc xem xét kỹ lưỡng các giao dịch dẫn tới những thay đổi trong cổ đông lớn nhất và những người kiểm soát của một pháp nhân thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể để đảm bảo rằng các cổ đông của nó và/hoặc những người kiểm soát nó có tình hình tài chính, danh tiếng, phẩm chất...phù hợp và sẽ không tác động tiêu cực đến pháp nhân mà họ sở hữu cổ phần và hoạt động kinh doanh của các pháp nhân này.

Ngoài ra, kiểm soát đặc biệt là cần thiết để tránh việc sử dụng hoạt động kinh doanh cho các mục đích rửa tiền và tài trợ các hoạt động khủng bố.

Chương này sẽ tập trung vào các khía cạnh kiểm soát và giám sát những người liên quan đến việc phát hành tiền tại Liên minh Châu Âu, Mỹ và Ukraina. Tuy nhiên, trước khi phân tích các vấn đề này, đầu tiên sẽ thảo luận câu hỏi về cơ quan nào sẽ thực thi việc kiểm soát và giám sát trong các quốc gia đã nói ở trên và họ có những quyền lực và năng lực gì.

2.1. Liên minh Châu Âu

Như đã nêu tại phần 1.1.2 ở trên, nghiên cứu này sẽ chủ yếu tập trung nhóm danh sách các đơn vị phát hành tiền điện tử được nhận diện tại Liên minh Châu Âu là các tổ chức tín dụng và các tổ chức tiền điện tử, và đặc biệt nhấn mạnh vào các tổ chức tiền điện tử. Do đó, việc kiểm soát và giám sát với hai loại hình nhà phát hành tiền điện tử này sẽ được thảo luận ở đây.

2.1.1. Đơn vị kiểm soát và giám sát

2.1.1.1. Các tổ chức tín dụng

Theo Chỉ thị về các tổ chức tín dụng qui định về các vấn đề liên quan đến quyền hạn và hoạt động của các tổ chức tín dụng ở Liên minh Châu Âu, “Các nước thành viên sẽ chỉ định cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các chức năng và nghĩa vụ đã được quy định tại Chỉ thị trên và trong Quy định số 575/2013 Châu Âu.” Thông tin về các cơ quan như vậy bao gồm việc phân chia chức năng của các cơ quan này phải được cung cấp cho Ủy ban và Cơ quan giám sát Châu Âu (Cơ quan quản lý ngân hàng Châu Âu).²

Do vậy, các nước thành viên phải tự xác định và chỉ định cơ quan có thẩm quyền để thực hiện, theo yêu cầu của Chỉ thị các tổ chức tín dụng, việc đánh giá thông tin được cung cấp bởi các ứng viên để được cấp phép là một tổ chức tín dụng, cấp hoặc từ chối cấp phép³, rút giấy phép, cũng như kiểm soát dài hạn việc tuân thủ của các tổ chức tín dụng theo yêu cầu của Chỉ thị tổ chức tín dụng.⁴ Bên cạnh đó, các cơ quan có thẩm quyền này của các nước thành viên phải có quyết định về các giao dịch thâm tóm và/hoặc việc gia tăng các khoản nắm giữ đủ điều kiện tại các tổ chức tín dụng (chẳng hạn, các giao dịch như vậy có thể gây bất lợi cho tổ chức tín dụng và phải phản đối hay không) và về khả năng các tổ chức tín dụng mở thêm chi nhánh ở các nước thành viên khác.⁵ Các cơ quan này cũng sẽ thực hiện việc giám sát an toàn cho các tổ chức tín dụng và sẽ “có quyền giám sát để can thiệp vào các hoạt động của tổ chức tín dụng khi cần thiết để thực hiện chức năng của mình.”⁶ Ngoài ra, các cơ quan như vậy của các nước thành viên sẽ có “thẩm quyền thu thập và điều tra tất cả các thông tin cần thiết cho việc thực hiện chức năng của mình”, trong khi các tổ chức tín dụng ở các nước thành viên sẽ phải cung cấp cho các cơ quan chức năng tất cả các dữ liệu cần thiết để đánh giá liệu các tổ chức này có tuân thủ tất cả các yêu cầu được áp dụng hay không,⁷ và

² Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 4(1).

³ Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 18.

⁴ Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 14(3)

⁵ Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 35.

⁶ Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 64(1)

⁷ Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 4(5)

có quyền áp đặt các chế tài, hoặc trực tiếp hoặc cùng với các cơ quan chức năng khác.⁸

Do đó, tự các nước thành viên phải chỉ định các cơ quan có thẩm quyền như vậy. Ví dụ, ở Đức, Cơ quan giám sát tài chính liên bang BaFin hợp tác cùng với NHTW Đức giám sát khu vực ngân hàng, . Ở Hy Lạp, NHTW Hy Lạp thực hiện giám sát các tổ chức tín dụng được cấp phép tại Hy Lạp và các chi nhánh tại Hy Lạp của các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Bắt đầu từ ngày 4/11/2014 Ngân hàng trung ương Châu Âu sẽ đóng vai trò chủ động hơn trong việc giám sát an toàn cho các tổ chức tín dụng ở Liên minh Châu Âu.⁹ Trong các nước thành viên sử dụng đồng euro làm đồng tiền chính thức cũng như các nước thành viên Châu Âu khác không sử dụng đồng euro, “nơi mà NHTW Châu Âu hợp tác chặt chẽ với cơ quan thẩm quyền cấp quốc gia của các nước thành viên” thì NHTW châu Âu sẽ đưa ra phán quyết cuối cùng về việc cấp phép cho các tổ chức tín dụng và và việc thu tóm dự kiến các khoản nắm giữ đủ điều kiện tại các tổ chức tín dụng, cũng như thực hiện các nhiệm vụ điều tiết và giám sát, đặc biệt là đối với các tổ chức tín dụng được xem là quan trọng (tức là, “có tầm quan trọng tương ứng với nền kinh tế nội địa”).¹⁰ Do vậy, hoạt động của hệ thống các cơ quan thẩm quyền điều tiết và giám sát những đơn vị phát hành tiền điện tử giống như các tổ chức tín dụng sẽ thay đổi vào cuối năm 2014.

2.1.1.2. Tổ chức tiền điện tử

Ngoại trừ việc liệt kê những quyền hạn mà các cơ quan có thẩm quyền được thực thi, Chỉ thị tiền điện tử không quy định quy tắc nào khác liên quan đến các cơ quan này để giám sát hoạt động của các tổ chức tiền điện tử. Tuy nhiên, các điều khoản như vậy đã được đưa ra trong Chỉ thị dịch vụ thanh toán trong các điều khoản về các cơ quan giám sát và quản lý áp dụng cho các tổ chức tiền điện tử đã được sửa đổi.¹¹

⁸ Chỉ thị các tổ chức tín dụng, xem chú thích 27, Điều 64 (2)

⁹ Quy định Hội đồng (EU) số 1024/2013 ngày 15/10/2013 chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho NHTW Châu Âu về những chính sách liên quan đến giám sát an toàn cho các tổ chức tín dụng, 2013 O.J. (L 287) 63, Điều 22 (2) [sau đây là Quy định của ECB]

¹⁰ Quy định của ECB, Điều 6(4).

¹¹ Quy định của ECB, Điều 3(1) (theo Điều 3 của Chỉ thị tiền điện tử “Điều 5 và 10 đến 15... của Chỉ thị 2007/64/EC phải áp dụng cho các tổ chức tiền điện tử

Chỉ thị dịch vụ thanh toán yêu cầu các nước thành viên chỉ định cơ quan có thẩm quyền chịu “trách nhiệm cấp phép và giám sát an toàn”¹² cho các tổ chức tiền điện tử và thực hiện các chức năng liên quan khác “hoặc là cơ quan công quyền hoặc các đơn vị được thừa nhận bởi luật quốc gia hoặc chính quyền được trao quyền rõ ràng cho các mục tiêu đó theo luật quốc gia, bao gồm các NHTW quốc gia”.¹³ Những cơ quan có thẩm quyền như vậy của các nước thành viên sẽ có tất cả các quyền lực cần thiết để thực hiện chức năng của mình,¹⁴ cụ thể có những quyền sau:

- (a) Yêu cầu các tổ chức [tiền điện tử] cung cấp bất kỳ thông tin gì cần thiết để giám sát tuân thủ;
- (b) Thực hiện giám sát tại chỗ đối với các tổ chức [tiền điện tử] và tại bất kỳ đại lý hay chi nhánh nào... thuộc trách nhiệm của tổ chức [tiền điện tử] hoặc tại các đơn vị thực hiện hoạt động thuê ngoài;
- (c) Ban hành khuyến nghị, hướng dẫn và nếu được áp dụng, những điều khoản hành chính ràng buộc; và
- (d) Đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép (quyền hoạt động).¹⁵

Ngoài ra, các cơ quan chức năng như vậy sẽ có quyền áp dụng các biện pháp trừng phạt và các biện pháp khác đối với việc vi phạm các quy tắc và yêu cầu đặt ra,¹⁶ cũng như chấp nhận và xem xét khiếu nại của khách hàng, người dùng và các bên khác về những vi phạm mà tổ chức tiền điện tử và những nhà cung cấp dịch vụ thanh toán khác như tổ chức tín dụng mắc phải.¹⁷

Hiện nay ở Anh, quyền và nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền như trên được thực thi bởi Cơ quan kiểm soát tài chính (Financial Conduct Authority).¹⁸ Ở Đức, trong trường hợp với các tổ chức tín dụng, các quyền như vậy được giao chủ yếu

¹² Chỉ thị dịch vụ thanh toán, Điều 20(1).

¹³ Chỉ thị dịch vụ thanh toán, Điều 20(1).

¹⁴ Chỉ thị dịch vụ thanh toán, Điều 20(2)

¹⁵ Chỉ thị dịch vụ thanh toán, Điều 21(1)

¹⁶ Chỉ thị dịch vụ thanh toán, Điều 22(1)

¹⁷ Chỉ thị dịch vụ thanh toán, Điều 80(1)

¹⁸ Quy định tiền điện tử, 2011 (Anh).

cho BaFin và cơ quan này sẽ hợp tác chặt chẽ với NHTW Đức.¹⁹ Ở Hy Lạp, NHTW Hy Lạp thực hiện giám sát an toàn đối với các tổ chức tiền điện tử.²⁰

2.1.2. Các yêu cầu về đăng ký và cấp phép/quyền

Theo quy tắc, lần thanh tra đầu tiên là khi cơ quan có thẩm quyền xác thực việc công ty tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn pháp lý tại thời điểm đăng ký và/hoặc được cấp phép thực hiện hoạt động kinh doanh nhất định. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan chức năng có thể kiểm chứng việc tuân thủ của công ty đối với các yêu cầu về vốn ban đầu, kiểm tra cổ đông và người điều hành chính của công ty, kế hoạch và triển vọng kinh doanh nhằm đảm bảo rằng hoạt động của công ty là phù hợp và có khả năng cung cấp các dịch vụ liên quan cho khách hàng theo đúng đăng ký và/hoặc giấy phép được áp dụng. Tại Liên minh Châu Âu, cơ chế như vậy được áp dụng cho những loại hình đơn vị phát hành tiền điện tử như tổ chức tín dụng và tổ chức tiền điện tử. Để hiểu được cách thức mà quy trình này cho phép cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực việc tuân thủ các yêu cầu được áp dụng của các tổ chức tín dụng và tổ chức tiền điện tử, chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn ở các phần tiếp theo.

2.1.2.1. Tổ chức tín dụng

Theo Chỉ thị tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng ở Liên minh Châu Âu phải “có được sự cho phép trước khi thực hiện các hoạt động.”²¹ Các nước thành viên sẽ xây dựng các yêu cầu để cấp phép và thông báo tới Cơ quan Giám sát Châu Âu (Cơ quan giám sát ngân hàng Châu Âu).²² Trong mọi trường hợp, giấy phép sẽ không được cấp nếu ứng viên không đáp ứng các yêu cầu về vốn theo Chỉ thị tổ chức tín dụng (ví dụ nếu “tổ chức tín dụng không nắm giữ nguồn vốn sở hữu riêng hoặc khi vốn ban đầu thấp hơn 5 triệu euro”²³, ngoại trừ trong những trường hợp cụ thể nhất định theo Chỉ thị tổ chức tín dụng²⁴), trong trường hợp có ít hơn

¹⁹ Luật giám sát dịch vụ thanh toán ngày 25/6/2009, sửa đổi tại Điều 2 (74) của Luật vào ngày 22/12/2011.

²⁰ Chỉ thị đánh giá sự đồng nhất

²¹ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 8(1)

²² Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 8(1)

²³ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 12(1)

²⁴ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 12(4)

2 người “chỉ đạo trực tiếp kinh doanh của tổ chức tín dụng ứng viên”²⁵ hoặc khi các thành viên trong ban quản lý không tuân thủ các yêu cầu, ví dụ như uy tín và trách nhiệm của họ,²⁶ theo Chỉ thị tổ chức tín dụng.²⁷ Cơ quan có thẩm quyền cũng sẽ từ chối cấp quyền trong trường hợp tổ chức tín dụng ứng viên không thông báo về các chủ sở hữu cổ phần chính (các khoản nắm giữ đủ điều kiện) và khối lượng các khoản nắm giữ đó (hoặc trong trường hợp không ai nắm giữ cổ phần chính trong tổ chức tín dụng thì phải đưa ra 20 cổ đông lớn nhất,²⁸ hoặc trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền cân nhắc cổ đông của tổ chức tín dụng không thích hợp²⁹ liên quan đến uy tín, hiểu biết, tình trạng tài chính... của họ.³⁰ Do đó, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra tổng thể để xác thực rằng tổ chức tín dụng ứng viên đáp ứng các yêu cầu để bắt đầu hoạt động, theo đó đảm bảo được rằng các ứng viên phù hợp với các tiêu chuẩn được đặt ra và có thể hoạt động và cung cấp dịch vụ phù hợp trên thị trường tài chính.

Sau khi được cấp quyền, cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo lại cho Cơ quan giám sát Châu Âu (Cơ quan Ngân hàng Châu Âu).³¹ Danh sách những tổ chức tín dụng đã có được giấy phép phải được công bố (và thường xuyên cập nhật) trên trang web của Cơ quan Giám sát Châu Âu (Cơ quan Ngân hàng Châu Âu).³² Do vậy, danh sách những tổ chức tín dụng được cấp quyền sẽ luôn sẵn có đối với các người chơi trên thị trường khác và khách hàng.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định tổ chức tín dụng có thể bị thu hồi quyền này. Việc thu hồi quyền cũng phản ánh tính cần thiết phải đảm bảo hoạt động phù hợp của một tổ chức tín dụng. Ví dụ, sẽ thu hồi quyền nếu tổ chức tín dụng “không sử dụng quyền này trong vòng 12 tháng, từ bỏ rõ ràng quyền hạn hoặc ngừng tham gia kinh doanh trong hơn 6 tháng...”³³ hoặc trong trường hợp giành được quyền “thông qua những tuyên bố sai lệch hoặc bất kỳ những phương

²⁵ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 13(1)

²⁶ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 91

²⁷ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 13(2)

²⁸ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 14(1)

²⁹ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 14(2)

³⁰ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 23(1)

³¹ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 20(1)

³² Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 20(2)

³³ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 18(a)

tiện phi pháp nào khác,”³⁴ hoặc nếu tổ chức tín dụng “không còn đáp ứng điều kiện mà theo đó được cấp quyền”³⁵ hoặc các yêu cầu khác.³⁶

2.1.2.2. Các tổ chức tiền điện tử

Như đã được thảo luận ở phần 1.1.2., để phát hành hợp pháp tiền điện tử, một pháp nhân phải tuân theo các quy định cụ thể của Hướng dẫn Tiền điện tử, được cấp quyền là một tổ chức tiền điện tử và được đăng ký với cơ quan đăng ký tổ chức tiền điện tử. Các yêu cầu cần cho việc cấp quyền được thiết lập theo Hướng dẫn Dịch vụ Thanh toán trong đó các quy định của nó đặt ra các điều khoản và điều kiện của quy trình cấp phép áp dụng cho các tổ chức tiền điện tử với những thay đổi cần thiết.

Các pháp nhất dự định cung cấp các dịch vụ như tổ chức tiền điện tử phải được cấp phép trước khi bắt đầu cung cấp các dịch vụ đó. Để có được sự cấp phép, một pháp nhân sẽ phải nộp đơn đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền ở Quốc gia thành viên tương ứng và cung cấp cho họ một bộ các tài liệu sâu rộng cho phép các cơ quan này có thể thực hiện đánh giá sâu sắc về ứng viên nộp đơn. Nếu, dựa trên đánh giá đó, cơ quan có thẩm quyền đi đến kết luận là hệ thống cấu trúc, quản lý, kiểm soát rủi ro và các hệ thống nội bộ khác là đầy đủ và phù hợp cho các dịch vụ được cung cấp bởi tổ chức tiền điện tử và chủ sở hữu của các khoản nắm giữ là phù hợp, việc cấp phép sẽ được thực hiện. Do vậy, dường như mục đích chính của đánh giá là đảm bảo rằng công ty đã vượt qua thành công sẽ vận hành và cung cấp các dịch vụ hoàn hảo sau khi được cấp phép.

Trong trường hợp có những thay đổi trong tài liệu và thông tin cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình cấp phép, các thay đổi đó phải được thông báo ngay tới cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo rằng họ có khả năng kiểm soát liên tục sự tuân thủ của tổ chức tiền điện tử với tất cả các yêu cầu được áp dụng.

Trong các trường hợp nhất định việc cấp phép có thể bị cơ quan có thẩm quyền rút lại. Các lý do để thu hồi nói chung tương đương với các điều kiện được đặt ra

³⁴ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 18(b)

³⁵ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 18(c)

³⁶ Chỉ thị tổ chức tín dụng, Điều 18

cho các tổ chức tín dụng và có cả việc không sử dụng giấy phép trong suốt 12 tháng, ngừng tham gia các hoạt động kinh doanh trong một khoảng thời gian kéo dài 6 tháng, không tiếp tục tuân thủ các yêu cầu và điều kiện cấp phép, hoặc nếu tổ chức tiền điện tử “thể hiện sự đe dọa tới tính ổn định của hệ thống thanh toán”.

Các lý do để thu hồi giấy phép có vẻ đã được soạn thảo một cách cụ thể nhằm bảo vệ thị trường tránh khỏi các tổ chức có thể đe dọa tới thị trường, người chơi và các khách hàng trên thị trường, ví dụ như, trong trường hợp một tổ chức tiền điện tử vận hành không phù hợp và không lành mạnh do không tuân thủ các yêu cầu cấp phép. Do đó, sự cần thiết phải có được giấy phép có thể được xem như là một phương tiện bảo vệ thị trường và kiểm soát người chơi trên thị trường.

Cùng với việc có được giấy phép, các tổ chức tiền điện tử phải được đưa vào danh sách đăng ký công khai các tổ chức tiền được từ cấp phép tại Quốc gia thành viên mà nó thực hiện đăng ký. Rõ ràng, mục tiêu của việc đưa ra yêu cầu này là để tạo cơ hội cho công chúng (khách hàng) xác nhận thông tin về tổ chức tiền điện tử trước khi sử dụng dịch vụ của chúng và ngăn chặn các trường hợp gian lận bởi một công ty không được cấp phép phát hành các công cụ tương tự như tiền điện tử.

2.1.3. Kiểm soát về các thay đổi trong quyền sở hữu các tổ chức phát hành tiền điện tử

Trong nhiều trường hợp, cổ đông và người kiểm soát công ty có thể ảnh hưởng tới hoạt động của công ty, việc này có thể có tác động bất lợi cho khách hàng. Do vậy, các thay đổi trong việc nắm giữ tại các công ty nhất định được theo dõi chặt chẽ bởi cơ quan quản lý. Ở nhiều khu vực pháp lý các công ty như vậy bao gồm ngân hàng và các tổ chức tín dụng và tài chính khác. Tại cấp châu Âu, các yêu cầu này được đưa ra và áp dụng cho danh mục các đơn vị phát hành tiền điện tử là các tổ chức tín dụng và các tổ chức tiền điện tử.

2.1.3.1. Tổ chức tín dụng

Hiện tại, các quy tắc cho phép các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia thành viên theo dõi những thay đổi trong việc nắm giữ tại các tổ chức tín dụng đã được đặt ra trong *Hướng dẫn về tổ chức tín dụng*.

Cụ thể, nó yêu cầu rằng:

Các quốc gia thành viên sẽ đòi hỏi bất kỳ một thể nhân hay pháp nhân hoặc các pháp nhân/thể nhân phối hợp cùng nhau (gọi là “đơn vị thu tóm dự kiến”), mà có quyết định mua, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, một lượng *nắm giữ đủ điều kiện* trong một tổ chức tín dụng hoặc gia tăng, trực tiếp hoặc gián tiếp, khoản nắm giữ trong một tổ chức tín dụng dẫn đến tỷ lệ quyền bỏ phiếu hoặc lượng vốn nắm giữ đạt hoặc vượt các mức 20%, 30%, hoặc 50% hoặc như vậy tổ chức tín dụng đó sẽ trở thành công ty con của nó (gọi là “sự thu tóm dự kiến”), thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của tổ chức tín dụng bằng văn bản về việc họ đang tìm cách mua lại hoặc gia tăng một lượng nắm giữ đủ điều kiện trước khi thực hiện thu tóm, trong đó thể hiện quy mô của lượng nắm giữ dự định và các thông tin liên quan...”

Để phục vụ cho mục tiêu của quy tắc này, thuật ngữ “nắm giữ đủ điều kiện” được hiểu là “một phần nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp trong một công ty, chiếm 10% hoặc hơn số vốn hoặc quyền bỏ phiếu hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể lên việc quản trị công ty đó”. Do đó, việc thu tóm, trực tiếp hay gián tiếp, của chỉ 10% vốn của một tổ chức tín dụng hoặc quyền bỏ phiếu hoặc một phần nắm giữ cho phép đối tượng đó “có ảnh hưởng đáng kể lên việc quản trị” được theo dõi và phải được báo cáo tới cơ quan có thẩm quyền. Các thông báo như vậy phải đính kèm các thông tin cần thiết cho các cơ quan có thẩm quyền để quyết định về tính phù hợp của các giao dịch dự tính. Các cơ quan sẽ “đánh giá sự phù hợp của đơn vị thu tóm dự tính và sự lành mạnh về tài chính của việc mua lại dự tính” dựa trên phân tích về danh tiếng của đơn vị mua lại, danh tiếng và trình độ chuyên môn của các quản lý cấp cao để quản lý các hoạt động của các tổ chức tín dụng sau khi mua lại, tình trạng tài chính lành mạnh của đơn vị mua lại, rủi ro tổ chức tín dụng sẽ không tuân thủ các quy tắc và yêu cầu an toàn hiện tại do việc mua lại, trong số nhiều tiêu chí đánh giá khác. Dựa vào các tiêu chí này, các cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định phản đối việc mua lại. Trong trường hợp việc mua lại diễn ra bất chấp sự phản đối của cơ quan có thẩm quyền, cùng với các trừng phạt cụ thể nhất định, quyền bỏ phiếu của đơn vị mua lại sẽ bị treo lại hoặc lá phiếu của đơn vị này sẽ bị vô hiệu hóa hoặc hủy bỏ.

Hơn nữa, để đảm bảo kiểm soát toàn vẹn lên những thay đổi trong việc nắm giữ các tổ chức tín dụng, Hướng dẫn tổ chức tín dụng đòi hỏi các dự định loại bỏ một quyền nắm giữ đủ điều kiện trong các tổ chức tín dụng phải được thông báo tới cơ quan có thẩm quyền. Thêm vào đó, tổ chức tín dụng phải tự mình thông báo tới chính quyền nếu họ nhận thức được giao dịch như vậy.

Do vậy, tại Liên minh châu Âu, các tổ chức tín dụng tuân theo một hệ thống các biện pháp được thiết kế để kiểm soát việc mua lại và từ bỏ quyền nắm giữ nó và giám sát ai đang ảnh hưởng lên hoạt động của nó.

2.1.3.2. Tổ chức tiền điện tử

Cách thức để theo dõi những thay đổi trong các khoản nắm giữ tại các tổ chức tiền điện tử khá giống với cách thức được thiết lập cho các tổ chức tín dụng. Theo Chỉ thị Tiền điện tử:

Bất cứ một pháp nhân hay thể nhân nào quyết định mua lại hoặc từ bỏ, trực tiếp hay gián tiếp, một khoản nắm giữ đủ điều kiện theo nghĩa... của Chỉ thị 2006/48/EC trong một tổ chức tiền điện tử, hoặc đề gia tăng thêm hoặc để giảm, trực tiếp hay gián tiếp, khoản nắm giữ đủ điều kiện đó, theo đó mà tỷ lệ vốn hoặc quyền bỏ phiếu nắm giữ chạm đến mức, vượt quá hoặc rơi xuống thấp hơn 20%, 30%, 50% hoặc một mức mà tổ chức tiền điện tử trở thành hoặc không còn là công ty con của nó nữa, sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về dự định của họ trước khi thực hiện việc mua lại, từ bỏ, tăng giảm đó.

Chỉ thị Tiền điện tử bản thân nó không định nghĩa cái gì nên được coi là “nắm giữ đủ điều kiện” trong một tổ chức tiền điện tử, thay vào đó đề cập tới Chỉ thị 2006/48/EC của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 14/6/2006 liên quan đến việc bắt đầu và theo đuổi hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng (viết lại) (văn bản phù hợp với EEA) (**Chỉ thị 2006/48/EC**). Tuy nhiên, nó bị bãi bỏ “với hiệu lực từ 31/1/2014” và tất cả các tham chiếu do đó sẽ dẫn chiếu tới (i) Chỉ thị Tổ chức tín dụng và (ii) Quy định số 575/2013, trong đó Quy định số 575/2013 đưa ra cùng định nghĩa về thuật ngữ “nắm giữ đủ điều kiện” được sử dụng cho các tổ chức tín dụng. Do vậy, cách thức để theo dõi sự thay đổi trong các khoản

nắm giữ tại tổ chức tín dụng và tổ chức tiền điện tử ở cấp Châu Âu là giống nhau ở hầu hết các mặt. Tương tự như các tổ chức tín dụng, việc thu tóm (gia tăng) và từ bỏ (giảm) một khoản nắm giữ đủ điều kiện tại một tổ chức tiền điện tử, hoặc là trực tiếp hoặc là gián tiếp, phải được thông báo, với các tất cả các thông tin liên quan, cho cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Nếu những người mua lại hoặc gia tăng lượng nắm giữ tại một tổ chức tiền điện tử, tác động bất lợi lên tổ chức này, những việc chuyên giao như vậy sẽ bị cơ quan có thẩm quyền phản đối bằng cách áp dụng một số biện pháp, chẳng hạn như “ra lệnh, trừng phạt đối với giám đốc hoặc người quản lý, hoặc đình chỉ việc thực hiện quyền bỏ phiếu gắn với cổ phiếu mà cổ đông này nắm giữ”³⁷. Ngoài ra, trong trường hợp giao dịch này được thực hiện bất chấp sự phản đối của cơ quan có thẩm quyền, quyền bỏ phiếu của đơn vị mua lại theo lượng cổ phiếu nắm giữ tại tổ chức tiền điện tử có thể bị treo và quyền bỏ phiếu bị vô hiệu hóa.³⁸

Nói chung, các điều khoản như vậy tạo ra một sự kiểm soát đầy đủ lên việc thu tóm các khoản nắm giữ tại các tổ chức tiền điện tử. Tuy nhiên, nên lưu ý rằng Chỉ thị Tiền điện tử cho phép các Nước thành viên từ bỏ các quy tắc như vậy đối với các tổ chức tiền điện tử thực hiện từ một hoạt động kinh doanh khác trở lên ngoài việc phát hành tiền điện tử³⁹, điều này rõ ràng có thể làm mất đi hiệu quả của các yêu cầu nói trên và quyền lực kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.

2.1.4. Các yêu cầu về phòng chống rửa tiền

Trong một số trường hợp, tiền điện tử có thể có tiềm năng được sử dụng cho nhiều mục đích đầu cơ khác nhau, rửa tiền và tài trợ cho các hoạt động phi pháp, trong đó có tài trợ khủng bố. Do vậy, tại Liên minh châu Âu, các đơn vị phát hành tiền điện tử tuân theo một số quy tắc và yêu cầu nhằm phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Các quy tắc và yêu cầu như vậy được đặt ra bởi Chỉ thị 2005/60/EC của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 26/10/2005 về việc phòng chống sử dụng hệ thống tài chính cho mục đích rửa tiền và tài trợ khủng bố (Văn bản phù hợp với EEA) (“**Chỉ thị phòng chống rửa tiền**”), chỉ thị này

³⁷ Theo Chỉ thị tiền điện tử, Lưu ý 1, Điều 3(3)

³⁸ Theo Chỉ thị tiền điện tử, Lưu ý 1, Điều 3(3)

³⁹ Theo Chỉ thị tiền điện tử, Lưu ý 1, Điều 3(3)

được mở rộng để áp dụng cho các đơn vị phát hành tiền điện tử theo Chỉ thị Tiền điện tử.⁴⁰

Để phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, Chỉ thị phòng chống rửa tiền yêu cầu các tổ chức tín dụng, mà theo Chỉ thị Tiền điện tử tạo nên một trong số nhiều danh mục các đơn vị phát hành tiền điện tử, và các tổ chức tài chính nói chung bao gồm cả các tổ chức thực hiện các hoạt động phát hành tiền điện tử, trong số nhiều tổ chức khác, thực hiện “các biện pháp kiểm tra khách hàng thận trọng”⁴¹ bao gồm nhận diện khách hàng và xác thực nhân thân của họ, nhận diện bên hưởng lợi của khách hàng, kiểm tra tức thời các mối quan hệ với đối tác của khách hàng và phân tích các giao dịch đã thực hiện,...⁴². Trong một số trường hợp, việc kiểm tra thận trọng như vậy có thể được thực hiện theo cách đơn giản⁴³, hoặc, không thực hiện nếu Nước thành viên quyết định.⁴⁴ Ví dụ, Nước Thành viên có thể cho phép không thực hiện kiểm tra thận trọng khách hàng đối với:

tiền điện tử... khi, nếu không thể nạp lại, khối lượng lưu trữ điện tử tối đa trong thiết bị không lớn hơn 250 EUR, hoặc khi, nếu không thể nạp lại, một hạn mức 2500 EUR được đặt ra cho tổng khối lượng giao dịch trong một năm dương lịch, ngoại trừ khi một món tiền từ 1000 EUR trở lên được hoàn trả trong cùng một năm dương lịch đó theo yêu cầu của người nắm giữ tiền điện tử theo Điều 11 Chỉ thị 2009/110/EC. Về các giao dịch thanh toán quốc gia, các Nước thành viên hoặc các cơ quan có thẩm quyền của hốc thể nâng khối lượng 250 EUR được đề cập tới ở điểm này lên mức trần 500 EUR.

⁴⁰ Chỉ thị Tiền điện tử, Lưu ý 1, Điều 19 (Điều 19 của Chỉ thị Tiền điện tử sửa đổi định nghĩa “một tổ chức tài chính” được đặt ra và tuân theo quy định của Chỉ thị Phòng chống rửa tiền để bao gồm “một tổ chức, không phải là tổ chức tín dụng, thực hiện một hoặc nhiều hoạt động được đề cập trong... điểm 14 và 15 Phụ lục I của Chỉ thị 2006/48/EC”. Chỉ thị Tiền điện tử đã đồng thời điều chỉnh danh sách các hoạt động đưa ra ở Phụ lục 1 của Chỉ thị 2006/48/EC, bổ sung thêm các nhiệm vụ như “(i) phát hành tiền điện tử ở đó tại điểm 15 (p.2 của Điều 20 Chỉ thị Tiền điện tử). Chỉ thị 2006/48/EC sau đó được bãi bỏ và thay thế bằng Chỉ thị Tổ chức tín dụng. Do vậy, Phụ lục 1 gắn với Chỉ thị 2006/48/EC được thay thế bởi Phụ lục I của chỉ thị Tổ chức tín dụng (được chỉ dẫn tại Bảng liên hệ trong Phụ lục II của Chỉ thị Tiền điện tử), trong đó vẫn duy trì điểm 15 đề cập tới “(i) phát hành tiền điện tử”).

⁴¹ Chỉ thị Phòng chống rửa tiền, Điều 7 và 8.

⁴² Chỉ thị Phòng chống rửa tiền, Điều 8.

⁴³ Chỉ thị Phòng chống rửa tiền, Phần 2 Chương II.

⁴⁴ Chỉ thị Phòng chống rửa tiền, Điều 11(5).

Việc loại trừ các giao dịch nhỏ không có khả năng được sử dụng cho mục đích rửa tiền và tài trợ khủng bố như vậy, từ các quy tắc chung đòi hỏi phải thực hiện kiểm tra khách hàng thận trọng có thể làm giảm đáng kể khối lượng công việc của các đơn vị phát hành tiền điện tử, và do đó, tạo thuận lợi cho hoạt động của họ.

Hơn nữa, bên cạnh các yêu cầu kiểm tra thận trọng khách hàng, khi một người tuân theo Chỉ thị phòng chống rửa tiền, chẳng hạn như đơn vị phát hành tiền điện tử, “biết, nghi ngờ hoặc có các căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng hành vi rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố đang được hoặc đã được thực hiện hoặc cố gắng thực hiện” người đó phải thông báo cho đơn vị tình báo tài chính liên quan.

Chỉ thị phòng chống rửa tiền cũng thiết lập các quy tắc ngăn chặn các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính (đặc biệt, các đơn vị phát hành tiền điện tử) giữ “các tài khoản vô danh hoặc các sổ tiết kiệm vô danh”. Do vậy, hoạt động của các ví điện tử hoặc các cơ chế công nghệ tương tự khác liên quan đến các tài khoản vô danh không được chấp nhận và không thể được tiến hành bởi các đơn vị phát hành tiền điện tử.

[Trở lại đầu trang](#)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 4 – 2019**1. Đề tài: Ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam theo Basel II**

Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thùy Dương, Trưởng Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Mã số: ĐTNH.019/17

Thời gian nghiệm thu: 09/4/2019

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Lý luận cơ bản về quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại.
- Thực trạng ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.
- Xây dựng mô hình quy trình đánh giá đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.
- Khuyến nghị và đề xuất ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu xây dựng khung lý thuyết về quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ (Internal Capital Adequacy Assessment Process - ICAAP), xây dựng mô hình và đề xuất các khuyến nghị cho các NHTM Việt Nam trong việc thực hiện đánh giá đầy đủ vốn nội bộ theo Basel II, đề tài ĐTNH.019/17 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu lý luận cơ bản về quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại, bao gồm: Các thông tin khái quát về Basel; Quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ ICAAP theo Basel II; Kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng ICAAP tại các NHTM. Từ đó, nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học cho các ngân hàng Việt Nam về ứng dụng ICAAP như: Các NHTM cần tự xây dựng kế hoạch và triển khai báo cáo ICAAP; Các NHTM phải xác định, đo lường, đánh giá rủi ro theo ICAAP; Phương pháp tính toán mức độ đủ vốn tùy thuộc vào quy mô và tính chất hoạt động của ngân hàng, tuy nhiên luôn phải đảm bảo mức độ đủ vốn của NHTW; Các ngân hàng cần chuẩn bị công nghệ, nguồn nhân lực và cơ sở dữ liệu cho việc triển khai ICAAP.

Chương 2 của đề tài nghiên cứu thực trạng ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, gồm: Thực trạng khuôn khổ pháp lý và tình hình áp dụng Basel tại Việt Nam; Thực trạng ứng dụng ICAAP tại các NHTM thông qua các nội dung giám sát của Hội đồng quản trị và ban điều hành, công tác xác định, đo lường và kiểm soát rủi ro, nội dung xác định, đánh giá mức độ đủ vốn, kiểm tra sức chịu đựng rủi ro về vốn, nội dung lập kế hoạch, báo cáo, kiểm soát về mức độ đủ vốn... Nhóm nghiên cứu cũng đánh giá thực trạng ứng dụng ICAAP tại các NHTM về kết quả, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở cho việc đề xuất ứng dụng quy

trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các NHTM Việt Nam.

Tại Chương 3, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp các nguyên tắc xây dựng và thực hiện ICAAP của NHTW và cơ quan giám sát quốc gia một số nước trên thế giới và mô phỏng quy trình ứng dụng ICAAP tại 1 trong 9 ngân hàng Việt Nam thí điểm áp dụng Basel. Theo đó, quy trình ICAAP được thiết kế và xây dựng gồm 8 nội dung:

- Giám sát của Hội đồng quản trị và ban điều hành;
- Xác định rủi ro;
- Đo lường và kiểm soát rủi ro;
- Xác định vốn và đánh giá mức độ đủ vốn;
- Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro về vốn;
- Lập kế hoạch vốn;
- Báo cáo về mức độ đủ vốn;
- Kiểm soát nội bộ về mức độ đủ vốn.

Việc phân tích mô phỏng từng nội dung của quy trình ứng dụng ICAAP nhằm tóm lược các nội dung, chính sách liên quan và cho thấy các khả năng tác động của các cú sốc giả định, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với từng nội dung trong quy trình ICAAP.

Chương 4 của đề tài phân tích điều kiện về cơ sở pháp lý, điều kiện về quan điểm quản trị và kiểm soát rủi ro, điều kiện về lập kế hoạch xây dựng ICAAP, về phương pháp đo lường rủi ro, cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin, nguồn nhân lực để ứng dụng ICAAP tại các NHTM Việt Nam. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đưa ra khuyến nghị đối với các NHTM Việt Nam nhằm triển khai ứng dụng ICAAP trong các khâu: Xây dựng chiến lược và lộ trình triển khai ICAAP; Điều chỉnh cơ cấu tổ chức thực hiện ICAAP; Thay đổi nhận thức và chính sách quản trị rủi ro, quản trị vốn; Xây dựng quy định, quy trình nội bộ về triển khai ICAAP; xây dựng các công cụ, phương pháp đo lường rủi ro, kiểm tra sức chịu đựng rủi ro theo ICAAP; Tập trung hóa dữ liệu; Đầu tư tài chính; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số khuyến nghị với NHNN về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nâng cao năng lực cơ quan TTGS, nâng cao năng lực về CNTT và cơ sở dữ liệu toàn hệ thống cũng như phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng cơ sở hệ thống tài chính, chuẩn mực kế toán, thị trường nhằm đảm bảo tính đồng nhất, thống nhất với các tiêu chuẩn quy định trong Basel II.

2. Đề tài: Hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Thực trạng và giải pháp

Chủ nhiệm: ThS. Đỗ Thị Nhàn, Vụ trưởng Vụ I, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng, NHNN

Mã số: ĐTNH.010/17

Thời gian nghiệm thu: 17/4/2019

Kết quả nghiệm thu: Giỏi

Các chủ đề nghiên cứu chính:

- Cơ sở lý luận về hoạt động giám định tư pháp và giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng

- Thực trạng hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng tại NHNN.
- Quan điểm, mục tiêu và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng..

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá thực tiễn hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng để từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng tại NHNN, đề tài ĐTNH.010/17 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động giám định tư pháp và giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, gồm: các khái niệm; mục tiêu, phạm vi, đối tượng của hoạt động giám định tư pháp, khuôn khổ pháp lý về hoạt động giám định tư pháp nói chung và quá trình hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; trình tự, quy trình giám định tư pháp tại NHNN.

Chương 2 phân tích thực trạng hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng tại NHNN, gồm các nội dung: khái quát về mục tiêu, phạm vi và đối tượng hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; Thực trạng khuôn khổ pháp lý về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; Thực trạng hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng thực hiện đánh giá hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2013-2018, chỉ ra các kết quả, hạn chế và nguyên nhân.

Tại chương 3, nhóm nghiên cứu phân tích quan điểm, mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp nói chung và hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng tại Ngân hàng nhà nước..

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 4 - 2019**1. Nguồn vốn ngân hàng rót vào sản xuất kinh doanh thực chất và hiệu quả*****Thời gian tổ chức: 18/04/2019******Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam******Nội dung hội thảo:***

Những cam kết của ngành ngân hàng từ các Hội nghị Kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp trong các năm trước đã được thực hiện. Nhiều khó khăn được tháo gỡ, dòng vốn đã chảy mạnh vào sản xuất, đặc biệt là các lĩnh vực kinh tế chủ lực của thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh thành khác trong cả nước.

Doanh nghiệp – ngân hàng đồng hành để cùng phát triển

Danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của TP.HCM giai đoạn 2018 – 2020 có 7 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và 01 nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng, là các sản phẩm công nghiệp thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu (cơ khí, điện tử, hóa dược - cao su - nhựa, chế biến tinh lương thực - thực phẩm) và ngành công nghiệp truyền thống là dệt may.

Nói về hiệu quả đầu tư vốn trong nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh, TS. Từ Minh Thiện Phó Trưởng ban - Ban Quản lý Khu NNCNC TP. HCM cho hay: Trong thời gian qua, trên địa bàn thành phố, việc kết nối giữa ngân hàng và các doanh nghiệp, các nhà sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có NNUDCNC đã có nhiều chuyển biến tích cực, tác động tốt tốc độ tăng trưởng của ngành và thu nhập của người sản xuất nông nghiệp. Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị (Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố) cho thấy, trong năm 2018 các quận, huyện đã phê duyệt 468 quyết định, 1.164 hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ lãi vay, tổng vốn đầu tư: 1.345,724 tỷ đồng, tổng vốn vay: 839,270 tỷ đồng. Kinh phí hỗ trợ cho các phương án được phê duyệt trong năm 2018 là 110.600 triệu đồng.

Từ số liệu tổng vốn đầu tư, vốn vay và kinh phí hỗ trợ lãi vay theo Quyết định Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND và số 655/QĐ-UBND, cho thấy với 1 đồng vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay (563,605 tỷ đồng), sẽ huy động được 22 đồng vốn xã hội (12.532,833 tỷ đồng), trong đó huy động từ TCTD là 14 đồng (7.675,288 tỷ đồng), huy động trong dân là 8 đồng (4.857,545 tỷ đồng). Điển hình, một số mô hình vay vốn đầu tư lớn trong 12 tháng đầu năm 2018: Với tổng diện tích khoảng 14,24 ha, tổng vốn đầu tư 272,2 tỷ, tổng vốn vay khoảng 162 tỷ đồng. Đối tượng nuôi trồng chủ yếu: hoa lan, mai, nấm, bò sữa, heo, cá lăng, tôm.

Công ty TNHH MTV Năm Trang Sinh: Công ty đã thực hiện đầu tư dự án với tổng vốn đầu tư là 11,687 tỷ đồng, vốn vay được hỗ trợ lãi vay là 5,5 tỷ đồng (chiếm 47,04%) để đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị với mức hỗ trợ là 100% lãi suất tính hỗ trợ lãi vay trong thời gian 5 năm. Kinh phí hỗ trợ lãi vay từ ngân sách Thành

phổ trong vòng 05 năm ước tính khoảng 1,6 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã giải ngân hết vốn vay từ ngân hàng để thực hiện đầu tư theo phương án được duyệt.

Nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi vay từ ngân sách Thành phố góp phần quan trọng cho Công ty triển khai thành công dự án. Tổng doanh thu hàng năm thu được từ các sản phẩm của dự án gồm: Quy mô tự án gồm có 26 phòng trồng, mỗi phòng chứa 3.6 tấn cơ chất. Năng suất trung bình của nấm rơm/mặt cưa thải là 20% thì một chu kỳ một tháng một phòng có thể cho ra 800 kg nấm tươi. Với giá bán thấp nhất dự kiến 45.000 VNĐ/kg (chưa bao gồm VAT) thì một phòng trồng sẽ thu về 36.000.000 VNĐ/chu kỳ, tương đương doanh thu 432.000.000 VNĐ/năm. Doanh thu của 26 phòng trồng là: 11.232.000.000 VNĐ/năm. Ngoài ra, dự án cũng mang lại nhiều hiệu quả xã hội như tận dụng được nguồn phế liệu sau trồng nấm, tạo công ăn việc làm cho các lao động tại chỗ, tạo tiềm năng xuất khẩu...

Là khách hàng thân thiết của Ngân hàng BIDV Chi nhánh Củ Chi, chủ trại cá giống Nguyễn Trung Hiếu đã quá thấm thía cảnh không có vốn để kinh doanh. Anh phải bán toàn bộ số vàng khi lấy vợ và xoay sở vay mượn bạn bè mà vẫn không đủ. May mắn đến trong một lần anh tham dự buổi gặp mặt tại chương trình hỗ trợ chuyển đổi kinh tế vật nuôi cây trồng có sự bảo trợ của ngành Ngân hàng, Nguyễn Trung Hiếu đã nhận được hỗ trợ hết lòng của Ngân hàng BIDV Chi nhánh Củ Chi.

Đến nay, cơ sở của anh Hiếu đã đạt tổng đàn cá đẻ khoảng 18 tấn, 2 cơ sở ương giống và nhiều kênh vệ tinh ương gia công ở các tỉnh miền Tây, tổng số vốn đầu tư lên đến 7 tỷ đồng. Trong tương lai tôi sẽ phát triển cơ sở của mình với quy mô lớn hơn nữa để trở thành một trung tâm sản xuất giống cá lăng lớn nhất khu vực miền Đông.

Lĩnh vực may mặc, sản xuất da giày trong thời gian qua đã gặp không ít thách thức về mặt đầu tư đổi mới công nghệ và mở rộng thị trường. Bà Nguyễn Thị Thanh Diệu, Giám đốc Công ty TNHH Lộc Thành Phát từng nhận được gói tín dụng ưu đãi phục vụ sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn nhất. Bà Diệu cho biết, sự hỗ trợ này góp phần không nhỏ để doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính, mở rộng hoạt động sản xuất, giảm được giá thành, tăng tính cạnh tranh trên thị trường, vượt qua khó khăn, phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh.

Tích cực đẩy mạnh, quyết liệt triển khai, tháo gỡ kịp thời

Với những nỗ lực của cả hệ thống ngân hàng, dư nợ tín dụng nền kinh tế cuối năm 2018 tăng gần 14%, trong 3 tháng đầu năm 2019 tiếp tục tăng khoảng 2,8% so với cuối năm 2018.

Kết quả là, trong năm 2018, các TCTD trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã cho vay theo Chương trình được 10.593 khách hàng với số tiền 285.544 tỷ đồng; trong đó giải ngân cho vay theo Gói tín dụng ưu đãi lãi suất là 269.493 tỷ đồng cho 10.092 khách hàng với lãi suất cho vay ngắn hạn không quá 6,5%/năm, trung dài hạn xoay quanh 9%/năm.

Kết quả triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp đã góp phần

giúp thành phố Hồ Chí Minh đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng cuối năm 2018 là 14,69%, dư nợ cho vay DNNVV đạt 346.248 tỷ đồng, từ đó góp phần vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố đạt 8,3%.

Tại hội thảo, các Ngân hàng thương mại đã báo cáo kết quả triển khai chính sách của NHNN trong việc hỗ trợ vốn vay đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố Hồ Chí Minh và của nền kinh tế.

Điểm nhấn tại Hội nghị là phần đối thoại, giải đáp thắc mắc của lãnh đạo các Ngân hàng thương mại dành cho đại diện các doanh nghiệp. Đặc biệt, trước những băn khoăn của ông Lư Nguyễn Xuân Vũ, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Xuân Nguyên liên quan đến việc vay vốn ngân hàng,

Ông Lê Kim Hòa, Phó tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV đã giải đáp và cho biết BIDV hiện đang áp dụng những chính sách ưu đãi tốt nhất dành cho doanh nghiệp của ông Xuân Vũ. Đồng thời, ông Hòa khẳng định, BIDV sẽ luôn lắng nghe và có những hỗ trợ kịp thời dành cho doanh nghiệp Xuân Nguyên cũng như các doanh nghiệp khác trong cả nước, để nguồn vốn của ngành Ngân hàng có thể đưa vào sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

Ghi nhận sự đối thoại thẳng thắn của doanh nghiệp và những giải đáp kịp thời, thấu đáo của lãnh đạo các ngân hàng, ngay tại Hội nghị, Phó Thống đốc Đào Minh Tú yêu cầu ngay trong tuần tới, NHNN TPHCM và BIDV cần có một buổi làm việc cụ thể để tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp Xuân Nguyên. Phó Thống đốc hoan nghênh việc NHNN chi nhánh TP HCM thời gian qua đã tích cực tạo ra những buổi đối thoại giữa các ngân hàng với các doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM để “vướng đâu gỡ đó”. Đồng thời, trong quá trình triển khai, NHNN cũng sẽ căn cứ vào thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện chính sách.

Phó Thống đốc cũng chỉ đạo các đơn vị có liên quan của ngành Ngân hàng tiếp nhận các ý kiến từ phía các đơn vị sản xuất kinh doanh để doanh nghiệp và ngân hàng có sự phối hợp chặt chẽ, tạo ra các nguồn lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế.

Về mặt chủ trương, Phó Thống đốc khẳng định: Ngành Ngân hàng đã, đang và sẽ luôn luôn đồng hành cùng doanh nghiệp để cả hai cùng phát triển và tạo ra động lực thúc đẩy nền kinh tế của đất nước theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Ông Lư Nguyễn Xuân Vũ xúc động gửi lời cảm ơn tới lãnh đạo NHNN, lãnh đạo UBND TPHCM, đặc biệt là Phó Thống đốc Đào Minh Tú và Phó Chủ tịch UBND TPHCM Lê Thanh Liêm đã có sự chỉ đạo quyết liệt và giải thích kịp thời cho doanh nghiệp. Ông Vũ đánh giá cao hiệu quả thực chất của Hội nghị kết nối ngân hàng – doanh nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, bởi ngay trong khuôn khổ Hội nghị, những nhu cầu và nguyện vọng của ông cũng như các doanh nhân khác đã được thành phố và trung ương quan tâm, giải quyết sát sao. Ông tin tưởng trong thời gian tới, chương trình kết

nổi ngân hàng doanh nghiệp sẽ tiếp tục có hiệu quả cao, mở ra cơ hội cho các doanh nhân như ông có thể tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng để đẩy mạnh hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển chung cho nền kinh tế đất nước.

Đánh giá cao bài phát biểu của đồng chí Lê Thanh Liêm, Ủy viên Ban thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch thường trực UBND thành phố tại Hội nghị, Phó Thống đốc Đào Minh Tú nhận định, Lãnh đạo thành phố đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt đối với nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp đầu tư cho các sản phẩm chủ lực nói riêng – tạo động lực phát triển kinh tế thành phố, cũng như đã tích cực trong việc chỉ đạo triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp đạt kết quả cao nhất trong thời gian qua.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Phó Thống đốc Đào Minh Tú nhấn mạnh: Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp trên địa bàn thực sự đã trở thành diễn đàn thường xuyên để ngành ngân hàng có cơ hội lắng nghe phản ánh của doanh nghiệp, cùng đồng hành với doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh. Qua đó có thể thấy các cơ chế, chính sách, giải pháp về tiền tệ và ngân hàng nhằm cải thiện môi trường kinh doanh nói chung và chương trình, chính sách tín dụng nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng thường xuyên được hoàn thiện, bổ sung phù hợp yêu cầu phát triển của nền kinh tế, của doanh nghiệp.

Phó Thống đốc khẳng định: Hệ thống ngân hàng trên địa bàn thành phố cũng đã luôn chủ động, tích cực tìm kiếm và dành nguồn vốn ưu đãi cho doanh nghiệp, triển khai có hiệu quả các chương trình, sản phẩm tín dụng phù hợp với đặc thù hoạt động của từng loại doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV; nhiều chương trình gói tín dụng ưu đãi, áp dụng các chính sách lãi suất linh hoạt đối với khách hàng có phương án kinh doanh hiệu quả, dành vốn tín dụng cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, NHNN, của UBND thành phố Hồ Chí Minh; giúp cộng đồng doanh nghiệp tận dụng lợi thế để tập trung phát triển sản xuất kinh doanh.

Cùng với những nỗ lực đó, thủ tục cho vay đối với doanh nghiệp không ngừng được cải tiến theo hướng rõ ràng, minh bạch, đơn giản và phù hợp với từng đối tượng, tạo điều kiện tối đa cho khách hàng trong việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Phó Thống đốc đề nghị trong thời gian tới, vụ, cục NHNN cùng với ngành ngân hàng thành phố cần tiếp tục triển khai quyết liệt Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết 19/NQ-CP (2014, 2016, 2018) và Nghị Quyết 02/NQ-CP (ngày 01/01/2019) về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 08/01/2019 của NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2019 và các giải pháp quyết liệt để thực hiện những nhiệm

vụ của ngành Ngân hàng đối với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Tại Hội nghị, đại diện Sở Công Thương TPHCM đã gửi lời cảm ơn Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong việc kịp thời chỉ đạo Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chương trình này. Đây là sự kiện đặc biệt trong chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp mà đã phối hợp thực hiện trong nhiều năm qua. Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã chủ động tổ chức Hội nghị kết nối giữa ngành ngân hàng với các doanh nghiệp sản xuất Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và Nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng thành phố giai đoạn 2018 – 2020. Hội nghị ngành Ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của TP.HCM giai đoạn 2018 – 2020 sẽ là cơ hội tốt để tạo động lực khuyến khích doanh nghiệp tích cực đổi mới, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh đầu tư mở rộng sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cũng trong sáng 18/4/2019 đã diễn ra lễ ký kết Bản Ghi nhớ về việc hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp phát triển sản phẩm chủ lực của thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện cam kết mạnh mẽ và tinh thần đồng hành của ngành ngân hàng với chính quyền, với doanh nghiệp thành phố trong phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng.

Theo sbv.gov.vn.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Hội thảo khoa học về nghiên cứu chính sách tín dụng dành cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Thời gian tổ chức: 19/04/2019

Đơn vị thực hiện: Viện Chiến lược Ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Nội dung hội thảo:

Ngày 18/4/2019, Viện Chiến lược Ngân hàng NHNN Việt Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học giới thiệu kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ: “Nâng cao hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)”.

Cuộc Hội thảo do Phó Viện trưởng Viện Chiến lược, NHNN Nguyễn Thị Hiền chủ trì, có sự tham gia của đại diện NHCSXH Việt Nam, đại diện các Vụ, cục, đơn vị NHNN, đại diện một số trường đại học, viện nghiên cứu và đại diện các tổ chức tín dụng.

Trình bày các nội dung chính của đề tài nghiên cứu, Ts. Trần Hữu Ý, Giám đốc Trung tâm đào tạo Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH), Chủ nhiệm đề tài, cho biết, đồng bào các DTTS ở Việt Nam chiếm tỷ lệ khoảng 15% tổng dân số cả nước, nhưng lại chiếm đến hơn 50% tổng số hộ nghèo và thu nhập bình quân chỉ bằng 1/6 mức thu nhập bình quân của cả nước. Do đặc điểm cư trú của đồng bào DTTS ở vùng

sâu, vùng xa, miền biên giới còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, Đảng và Nhà nước, Ngành Ngân hàng đã ban hành nhiều chính sách đối với các hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số, trong đó, có chương trình tín dụng chính sách dành riêng cho đồng bào DTTS giúp đồng bào cải thiện cuộc sống, hội nhập với xu hướng phát triển chung của cả nước, tiến tới giảm nghèo bền vững, đồng thời góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định xã hội ở các địa phương.

Theo đánh giá của TS. Ý, Nguồn vốn dành riêng cho hộ đồng bào DTTS có sự tăng trưởng đều qua các năm trong giai đoạn nghiên cứu của đề tài (từ 2014 – 5/2017). Năm 2014 mới chỉ có 0,52%, sang năm 2015 đã tăng lên đáng kể, đạt tới 1,5% trong tổng nguồn vốn của NHCSXH, và năm 2016 là 1,36%. Mức vay chương trình hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn cũng được nâng lên từ 5 triệu đồng/hộ lên mức 8 triệu đồng/hộ. Nguồn vốn tín dụng chính sách đối với đồng bào DTTS tại NHCSXH đã đầu tư cho gần 100% hộ đồng bào DTTS tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, tại vùng sâu, vùng xa, có những hộ đã vay được vốn từ 2 đến 3 chương trình tín dụng chính sách. Nguồn vốn tín dụng chính sách đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần giải quyết được những vấn đề căn bản thiết yếu của cuộc sống đồng thời giúp hộ đồng bào DTTS nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo thêm việc làm, giảm bớt khó khăn, giảm bệnh tật, thất học, góp phần phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS. Bên cạnh đó, các chương trình tín dụng chính sách còn góp phần thay đổi nhận thức của bà con các DTTS, giúp bà con tự tin hơn trong việc quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống, từ đó góp phần giảm tệ nạn xã hội, cải thiện tình hình an ninh địa phương.

Tại hội thảo, các đại biểu tham gia đều nhất trí cho rằng chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào DTTS có ý nghĩa quan trọng thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển hài hòa các vùng miền, đồng thời đảm bảo ổn định xã hội, phát triển kinh tế, giữ vững an ninh – quốc phòng, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, các vùng miền còn khó khăn. Tuy vậy, việc triển khai thực hiện các chương trình tín dụng còn gặp nhiều khó khăn, mà có nguyên nhân xuất phát từ cả phía ngân hàng hàng (nguồn vốn cho vay, chất lượng tín dụng, cán bộ..), cũng như phía người vay (trình độ dân trí, năng lực sử dụng vốn vay, tình trạng di cư, ý thức trả nợ). Bên cạnh đó, còn có nguyên nhân của việc bố trí nguồn lực, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức liên quan chưa đồng bộ, tích cực. Từ đó, Nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách đối với đồng bào DTTS. Các đại biểu tham dự cũng đề xuất ý tưởng để nâng cao hiệu quả các chính sách cho vay.

Kết luận cuộc hội thảo, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược, NHNN Nguyễn Thị Hiền đánh giá cao đề tài nghiên cứu và cảm ơn các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự hội thảo. Bà Hiền cho biết, NHNN đang xây dựng chương trình giáo dục tài chính toàn diện và sẽ quyết liệt triển khai trong thời gian tới, trong đó đặc biệt chú trọng giáo dục kiến thức tài chính cho cộng đồng, nhất là các đối tượng còn có khó khăn trong việc

tiếp cận sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, trong đó có đồng bào và phụ nữ DTTS. Hiện nay, NHNN đang tích cực triển khai rộng rãi các chương trình truyền thông về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, các chương trình tín dụng chính sách thông qua các kênh truyền hình, truyền thanh, điển hình như chương trình “Tiền khéo, tiền khôn”, chương trình “Ví tiền của bạn”. Về chính sách đối với đồng bào DTTS, Bà Hiền cũng nhấn mạnh, một mình Ngân hàng CSXH không thể giải quyết tận gốc vấn đề phát triển kinh tế khu vực đồng bào DTTS mà cần có sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền các cấp và các cơ quan ban ngành liên quan.

Theo sbv.gov.vn.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 4 -2019**1. Hội Chứng Uniqlo**

Nguồn: Nxb Công Thương

Tác giả: Kensuke Kojima

Dịch giả: Vũ Linh

Giới thiệu ấn phẩm:

Hội chứng Uniqlo không phải là một trong số những cuốn sách ca tụng về Uniqlo đang tràn ngập trên thị trường, cũng không phải cuốn chỉ dẫn về phương thức hoạt động của Uniqlo hay phân tích về sự phát triển của Fast Retailing (Tập đoàn bán lẻ lớn của Nhật, công ty mẹ của Uniqlo). Nó cũng không nghiên cứu về sự nghiệp của ngài Yanai Tadashi (Người sáng lập và Chủ tịch của Fast Retailing, chủ nhân thương hiệu Uniqlo). Nếu muốn tìm hiểu về những điều đó, các bạn hoàn toàn có thể tìm đọc những cuốn sách do chính ngài Yanai viết là Một lời, chín lỗ hay Có thể đánh mất thành công chỉ sau một ngày.

Hội chứng Uniqlo sẽ chỉ ra sự thật rằng bối cảnh cho sự thành công bất ngờ của Uniqlo chính là một nền văn hóa tiêu dùng đang suy thoái do sự sụt giảm của kinh tế và kìm hãm cảm tính của giới trẻ, đồng thời làm rõ hiện tượng sụt giảm tiêu dùng trong xã hội được gọi tên là “hội chứng Uniqlo”, mở rộng chủ đề nghiên cứu từ phong cách tiêu dùng toàn cầu hóa đến cấu trúc nền kinh tế.

Trong bối cảnh làn sóng toàn cầu hóa với số lượng người trẻ ngày càng sụt giảm, Nhật Bản dần mất đi sức cạnh tranh và trở nên tụt hậu so với một châu Á đang trên đà phát triển. Chúng ta cần xem xét từ cả hai phía, nước Nhật và châu Á, để tìm ra đối sách phù hợp nhằm thoát khỏi tình cảnh hiện tại. Thêm vào đó, tôi muốn đưa ra những nhận định, dự đoán xem liệu Uniqlo - thương hiệu chất lượng cao đang độc chiếm thị trường Nhật Bản, được thiết kế dành riêng cho thị trường trong nước nay đã gặt hái được thành công ở một số quốc gia đã và đang phát triển - liệu có đạt được mục tiêu dài hạn là đến năm 2020 vượt mốc doanh thu 5.000 tỉ yên và lợi nhuận 1.000 tỉ yên hay không.

Lập trường của cuốn sách Hội chứng Uniqlo này không phải là khẳng định và nghiên cứu những thành công của Uniqlo mà là phân tích trực diện tình hình thị trường và mô hình doanh nghiệp ở Nhật Bản, so sánh với các mô hình doanh nghiệp không chỉ ở Âu Mỹ mà còn ở cả châu Á bằng cái nhìn tỉnh táo để tìm ra điểm mạnh cũng như điểm yếu, đồng thời xác định những cơ hội và thách thức của Uniqlo nói riêng và Fast Retailing nói chung trong tương lai. Với những nghiên cứu về Uniqlo từ trước đến giờ, cuốn sách này sẽ mang lại những đánh giá về Uniqlo trên góc độ toàn cầu, từ đó đưa ra những cảnh báo cũng như triển vọng trong tương lai của giới kinh doanh.

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Nền Kinh Tế Tăng Trưởng Và Sụp Đổ Như Thế Nào?

Nguồn: NXB Hồng Đức

Tác giả: Andrew J. Schiff, Peter D. Schiff

Dịch giả: Nguyễn Dương Hiếu

Giới thiệu ấn phẩm:

Hàng ngày, tất cả chúng ta đều tham gia vào các hoạt động kinh tế. Các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, báo chí, internet v.v... cũng đầy rẫy những bài viết, phân tích hay đưa tin về các sự kiện kinh tế. Tuy nhiên, với đa số người dân, kinh tế học dường như vẫn là điều gì đó khó hiểu, trừu tượng, một lĩnh vực mà chỉ các “chuyên gia” mới biết và dám bàn đến mà thôi. Điều này hẳn nhiên là không tốt, không chỉ với những “dân ngoại đạo” với kinh tế học, mà còn với cả những người làm chính sách kinh tế, các cơ quan quản lý kinh tế, các doanh nghiệp. Do tất cả các cá nhân và tổ chức trong xã hội đều là các chủ thể kinh tế, sự hiểu biết cơ bản về kinh tế học là vô cùng cần thiết. Chính vì lẽ đó, trong những năm gần đây nhiều học giả kinh tế nước ngoài đã bắt đầu biên soạn những cuốn sách đơn giản, dễ hiểu, nhằm giới thiệu đến độc giả đại chúng những khái niệm cơ bản nhất của kinh tế học, hy vọng giúp lĩnh vực khô khan này trở nên gần gũi hơn với mọi người. Cuốn sách này cũng nằm trong số đó.

Các tác giả bắt đầu cuốn sách như một câu chuyện ngày xưa: trên một hòn đảo nhỏ, chỉ có ba người dân ông cư ngụ. Họ phải dành cả ngày để bắt cá kiếm ăn bằng đôi tay trần, tuyệt nhiên không có một dụng cụ nào khác. Một ngày nọ, một người trong số họ nghĩ ra cách dùng lưới để bắt cá, sau đó là những dụng cụ bắt cá khác, từ đó dân đảo bắt đầu có những khoảng thời gian dôi dư để theo đuổi những công việc khác. Cá trở thành tiền tệ của hòn đảo, rồi một Ngân hàng trung ương mang tên Ngân hàng Dự trữ Cá ra đời. Câu chuyện cứ thế tiếp diễn trong một nền kinh tế đảo, với vô vàn những câu chuyện vui buồn, thăng trầm của nó...

Peter D. Schiff và Andrew J. Schiff đã biến những bài giảng khô khan về kinh tế học trở nên cực kỳ vui tươi và dễ hiểu. Rất nhiều tranh minh họa dí dỏm trong cuốn sách này cũng góp phần vào giá trị của nó. Độc giả hẳn sẽ có những tiếng “À!”, “Ồ!” thú vị và ngạc nhiên khi đọc tác phẩm này. Ai đó đã từng nói rằng không có gì dễ nghe và dễ nhớ hơn là một câu chuyện, bởi từ bé mỗi chúng ta đều đã quen và thích nghe những câu chuyện kể về đủ mọi thứ trên đời. Cuốn sách này chính là như vậy: đây là một câu chuyện, và hơn nữa, có thể khẳng định rằng đây là một câu chuyện hay, bởi nó khiến chúng ta suy ngẫm!

Chuyện là chuyện do người Mỹ kể, đương nhiên sẽ liên tưởng chủ yếu đến nền kinh tế Mỹ. Đâu có hư cấu nào không dựa trên thực tế, phải không các bạn? Tuy nhiên, người dịch tin tưởng rằng độc giả Việt Nam vẫn có thể nhìn ra những nét liên quan thú vị đến kinh tế và thị trường Việt Nam. Sau gần ba thập niên đổi mới và mở cửa kinh tế, nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng cao vào nền kinh tế toàn cầu, câu chuyện kinh tế nói chung đã trở thành chuyện không của riêng ai, từ những nhà hoạch định chính sách cao nhất của Chính phủ đến những bà nội trợ lo toan từng bữa ăn cho gia đình.

Những biến động và phản ứng của các chủ thể kinh tế trên các thị trường chứng khoán, thị trường vàng, thị trường bất động sản, thị trường tài chính tiền tệ v.v... trong thời gian gần đây cho thấy sự quan tâm vô cùng lớn, cũng như những bất cập và lỗ hổng trong hiểu biết thấu đáo về kinh tế thị trường của khá nhiều chủ thể kinh tế. Trong bối cảnh này, những cuốn sách như cuốn sách này có thể mang lại một giá trị nhất định. Bản chất của kinh tế thị trường hàm chứa khả năng xảy ra những đợt tăng trưởng và khủng hoảng kế tiếp nhau, đó là quy luật khó tránh khỏi. Hiểu biết thấu đáo về những khái niệm cơ bản nhất của kinh tế học nói chung và kinh tế thị trường nói riêng sẽ giúp chúng ta, dù là cá nhân hay doanh nghiệp, có những ứng xử đúng đắn và hiệu quả trước những biến động của thị trường trong và ngoài nước.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này đến bạn đọc!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)